ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3037/QĐ-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận học viên cao học khóa năm 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Đại học Quốc gia TP. HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ quyết định số 83/QĐ-ĐHQG ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Đại học Quốc gia TP. HCM về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ;

Căn cứ quyết định số 160/QĐ-ĐHQG ngày 24 tháng 03 năm 2017 của Đại học Quốc gia TP. HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ theo kết quả thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận **374** thí sinh đã trúng tuyển là học viên cao học, hệ Chính quy, Khóa năm 2018 gồm các học viên có tên trong danh sách đính kèm Quyết định này.

Thời gian đào tạo: Từ tháng 12/2018 đến tháng 12/2020.

Điều 2. Học viên cao học có trách nhiệm thực hiện quy chế và được hưởng mọi quyền lợi theo quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Phòng, Ban, Khoa có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 1
- Ban SĐH,ĐHQG-HCM(để báo cáo),
- Khoa,
- Lưu VT, SĐH.

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Trần Linh Thước

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2018

Kèm theo quyết định số 3037/QĐ-KHTN ngày 24/12/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Stt	Mã HV	Họ và	tên	Nam	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Cơ quan công tác
1	18C11001	Bùi Hoàng	Anh	Nam	28/12/1985	Kiên Giang	Khoa học máy tính	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng
2	18C11002	Hoàng Trung	Chính	Nam	04/08/1992	Lâm Đồng	Khoa học máy tính	
3	18C11003	Lê Văn	Chinh	Nam	08/11/1986	Tây Ninh	Khoa học máy tính	
4	18C11004	Nguyễn Đức	Huy	Nam	04/09/1984	TP.HCM	Khoa học máy tính	Trường ĐH KHTN - HCM
5	18C11005	Trịnh Trung	Kiên	Nam	05/12/1987	TP.HCM	Khoa học máy tính	OUCRU
6	18C11006	Đặng Cửu Hoàng	Long	Nam	26/06/1994	Gia Lai	Khoa học máy tính	Công ty TNHH R-SC Việt Nam
7	18C11007	Nguyễn Thị Thiên	Lý	Nữ	28/07/1994	TP.HCM	Khoa học máy tính	
8	18C11008	Phạm Huỳnh Hồng	Ngân	Nữ	18/02/1995	TP.HCM	Khoa học máy tính	
9	18C11009	Hoàng Đình	Quân	Nam	24/05/1990	Nghệ An	Khoa học máy tính	
10	18C11010	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	16/09/1982	TP.HCM	Khoa học máy tính	Viện Vật lý TP.HCM
11	18C11011	Hoàng Thanh	Trung	Nam	03/09/1988	Hà Tĩnh	Khoa học máy tính	Trường THPT Trịnh Hoài Đức, Thuận An, BD
12	18C11012	Trương Quang	Tuấn	Nam	04/09/1991	Quảng Ngãi	Khoa học máy tính	Wirecard
13	18C11013	Phạm Khánh	Văn	Nam	31/07/1992	Đồng Nai	Khoa học máy tính	FPT software
14	18C11014	Đỗ Ngọc Kiều	Chinh	Nữ	30/03/1988	Minh Hải	Khoa học máy tính	TTNC lâm sàng-ĐH Oxford
15	18C11015	Nguyễn Minh	Danh	Nam	03/03/1987	Đồng Nai	Khoa học máy tính	VNPT Đồng Nai
16	18C11016	Nguyễn Ngọc	Đức	Nam	09/10/1996	Đồng Nai	Khoa học máy tính	Tự do
17	18C11017	Nguyễn Đức	Hải	Nam	23/11/1996	TP.HCM	Khoa học máy tính	Công ty DEK Technologies
18	18C11018	Ngô Đức	Hiệp	Nam	30/08/1987	Đồng Nai	Khoa học máy tính	Robert Bosch Engineening Solution Việt Nam
19	18C11019	Lê Minh	Hưng	Nam	12/12/1995	TP. Cần Thơ	Khoa học máy tính	Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Tường Minh
20	18C11020	Phạm Nhật	Hưng	Nam	15/09/1993	Bạc Liêu	Khoa học máy tính	Công ty TNHH Giải pháp Tường Minh
21	18C11021	Võ Hồ Việt	Khoa	Nam	29/08/1996	Đồng Tháp	Khoa học máy tính	Trường ĐH KHTN
22	18C11022	Đỗ Trọng	Lễ	Nam	05/05/1996	Sông Bé	Khoa học máy tính	CTS
23	18C11023	Nguyễn Tiến	Lộc	Nam	30/10/1996	Bình Phước	Khoa học máy tính	Tự do
24	18C11024	Lê Phúc	Lữ	Nam	04/02/1991	Bến Tre	Khoa học máy tính	Tự do
25	18C11025	Trịnh Dư Khôi	Nguyên	Nam	11/11/1989	TP.HCM	Khoa học máy tính	Công ty FPT Software HCM
26	18C11026	Võ Diệp	Như	Nữ	04/06/1995	Bến Tre	Khoa học máy tính	Tự do
27	18C11029	Hoàng Hải	Phong	Nam	19/11/1993	Minh Hải	Khoa học máy tính	Công ty TNHH Thiết kế Renesas Việt Nam
28	18C11030	Phan Thị	Phương	Nữ	22/04/1984	Nghệ An	Khoa học máy tính	Công ty TNHH Giải pháp công nghệ ERSmart
29	18C11031	Nguyễn Hồng	Quân	Nam	24/06/1989	Nghệ An	Khoa học máy tính	Tự do
30	18C11032	Đỗ Quốc Anh	Triết	Nam	27/01/1980	TP.HCM	Khoa học máy tính	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2018

Kèm theo quyết định số 3057/QĐ-KHTN ngày 24/12/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Stt	Mã HV	Họ và	tên	Nam	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Cơ quan công tác
31	18C11033	Nguyễn Ngọc	Vinh	Nam	23/12/1985	TP.HCM	Khoa học máy tính	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong
32	18C12001	Võ Đặng	Nguyễn	Nam	07/11/1996	An Giang	Hệ thống thông tin	Công ty TNHH KMS-Technology Việt Nam
33	18C12002	Võ Thị Huệ	Duyên	Nữ	09/11/1995	Lâm Đồng	Hệ thống thông tin	Tự do
34	18C12003	Phạm Thị Xuân	Hiền	Nam	28/09/1994	TP.HCM	Hệ thống thông tin	CTS
35	18C12004	Bùi Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	02/06/1992	TP.HCM	Hệ thống thông tin	HISP Việt Nam
36	18C12005	Trần Ngọc	Long	Nam	18/05/1989	TP.HCM	Hệ thống thông tin	Công ty TNHH Công nghệ K &G
37	18C12006	Phan Vũ	Minh	Nam	13/11/1985	TP.HCM	Hệ thống thông tin	WIRECARD
38	18C12007	Châu Chiêu	Nguyên	Nam	21/09/1993	TP.HCM	Hệ thống thông tin	Công ty TNHH MTV bocasang Việt Nam
39	18C12008	Đỗ Khôi	Nguyên	Nam	25/12/1991	Khánh Hòa	Hệ thống thông tin	Công ty TNHH MTI-technology Việt Nam
40	18C12009	Tôn Thất Anh	Quân	Nam	24/12/1986	Bình Phước	Hệ thống thông tin	Tự do
41	18C12010	Nguyễn Hà	Tiên	Nữ	05/03/1996	TP.HCM	Hệ thống thông tin	Tự do
42	18C21002	Nguyễn Bùi Thiện	Chí	Nam	11/06/1984	Bình Thuận	Đại số & Lý thuyết số	Trường THPT Tuy Phong - Liên Hương - Tuy Phong - Bình Thuận
43	18C21004	Nguyễn Khánh Huy	Hoàng	Nam	06/01/1996	Đồng Nai	Đại số & Lý thuyết số	CTS
44	18C21005	Vũ Nhân	Khánh	Nam	26/08/1995	Lâm Đồng	Đại số & Lý thuyết số	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Bình Tây
45	18C21006	Huỳnh Lý	Ngư	Nữ	26/11/1996	TP.HCM	Đại số & Lý thuyết số	CTS
46	18C21007	Phan Nhật	Nguyên	Nam	29/01/1996	Bình Thuận	Đại số & Lý thuyết số	Tự do
47	18C21008	Trần Hà	Sơn	Nam	11/03/1990	Nam Định	Đại số & Lý thuyết số	Tự do
48	18C21010	Châu Chí	Trung	Nam	10/09/1996	Khánh Hòa	Đại số & Lý thuyết số	CTS
49	18C22002	Nguyễn Đặng Minh	Huy	Nam	30/07/1995	TP.HCM	Toán giải tích	
50	18C22003	Trần Ngọc Anh	Nhân	Nam	15/04/1994	TP.HCM	Toán giải tích	
51	18C22004	Trần Thị Xuân	Tánh	Nữ	20/09/1995	Vĩnh Long	Toán giải tích	Titan Education
52	18C22005	Đoàn Thị Thúy	Vân*	Nữ	06/05/1989	Ninh Bình	Toán giải tích	Trường Đại học Tây Nguyên
53	18C22006	Khổng Thị Thảo	Uyên	Nữ	27/04/1992	Đồng Nai	Toán giải tích	
54	18C22007	Lê Thị Minh	Đức	Nữ	04/03/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Toán giải tích	CTS
55	18C22008	Phạm Tuấn	Hùng	Nam	01/07/1991	Bình Phước	Toán giải tích	Titan Education
56	18C22009	Võ Anh	Kiệt	Nam	31/07/1995	TP.HCM	Toán giải tích	CTS
57	18C22010	Đỗ Thị Thùy	Linh	Nữ	02/03/1994	Vĩnh Phúc	Toán giải tích	Titan Education
58	18C22011	Trần Quang	Minh	Nam	02/07/1993	Phú Yên	Toán giải tích	CTS
59	18C22012	Huỳnh Vĩnh	Sang	Nam	03/12/1991	Đồng Tháp	Toán giải tích	Trường THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu, Đồng Tháp

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2018

Kèm theo quyết định số 3037/QĐ-KHTN ngày 24/12/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Stt	Mã HV	Họ và	tên	Nam	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Cơ quan công tác
60	18C22013	Nguyễn Xuân Việt	Trung	Nam	26/08/1996	Bình Phước	Toán giải tích	Tự do
61	18C22014	Phạm Ngọc	Trung	Nam	25/05/1994	Vĩnh Long	Toán giải tích	Trung tâm toán Titan
62	18C22015	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	11/03/1996	TP.HCM	Toán giải tích	Tự do
63	18C24001	Trần Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	09/03/1995	Lâm Đồng	Toán ứng dụng	
64	18C24002	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	Nữ	01/10/1994	Bình Định	Toán ứng dụng	
65	18C24003	Trần	Hòa	Nam	12/09/1995	Đăk Lăk	Toán ứng dụng	
66	18C24004	Đặng	Huy	Nam	14/06/1994	TP.HCM	Toán ứng dụng	
67	18C24006	Nguyễn	Nam	Nam	20/04/1995	TP.HCM	Toán ứng dụng	Trường THPT Lê Hồng Phong
68	18C24007	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	15/01/1995	Hà Nam	Toán ứng dụng	
69	18C24008	Trần Thị Thanh	Thương	Nữ	19/01/1994	Lâm Đồng	Toán ứng dụng	Trường THPT Hoa Sen - Thủ Đức
70	18C24009	Phan Tất	Tín	Nam	03/07/1991	Nghệ An	Toán ứng dụng	
71	18C24010	Lục Hán	Tường	Nam	06/06/1989	Đồng Nai	Toán ứng dụng	
72	18C24011	Đỗ Thị Lan	Anh	Nữ	18/04/1996	Thanh Hóa	Toán ứng dụng	Tự do
73	18C24012	Lâm Bảo	Chánh	Nam	20/02/1996	Phú Yên	Toán ứng dụng	Tự do
74	18C24013	Ngô Thị Thùy	Thương	Nữ	26/08/1995	Thanh Hóa	Toán ứng dụng	Trường THPT Việt Âu
75	18C24014	Mai Văn	Duy	Nam	20/09/1990	Thanh Hóa	Toán ứng dụng	Tự do
76	18C24015	Nguyễn Mạnh Trường	Giang	Nam	03/02/1993	Sông Bé	Toán ứng dụng	CTS
77	18C24016	Vũ Cao	Hiệp	Nam	27/01/1996	TP.HCM	Toán ứng dụng	Tự do
78	18C24017	Lê Văn	Hùng	Nam	18/10/1995	Hải Dương	Toán ứng dụng	Trường THCS Cửu Long
79	18C24018	Ngô Lưu	Ly	Nữ	21/09/1996	Hà Tĩnh	Toán ứng dụng	Tự do
80	18C24019	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	24/09/1996	Sông Bé	Toán ứng dụng	Trung tâm toán Titan
81	18C24020	Võ Thị Tố	Nguyên	Nữ	16/01/1996	TP.HCM	Toán ứng dụng	CTS
82	18C24021	Trần Yến	Như	Nữ	31/08/1996	Bình Thuận	Toán ứng dụng	Tự do
83	18C24022	Tô Hoài	Thanh	Nam	03/02/1996	TP.HCM	Toán ứng dụng	Tự do
84	18C24023	Đỗ Đức	Thảo	Nam	25/04/1996	Hải Phòng	Toán ứng dụng	Tự do
85	18C24024	Nguyễn Minh	Thiện	Nam	09/01/1996	Đồng Nai	Toán ứng dụng	CTS
86	18C24025	Nguyễn Thị Phước	Thọ	Nữ	26/11/1996	Lâm Đồng	Toán ứng dụng	Tự do
87	18C24027	Bùi Đặng Hạnh	Uyên	Nữ	06/05/1996	Phú Yên	Toán ứng dụng	Tự do
88	18C29001	Nguyễn Đỗ Trường	An	Nam	24/12/1995	TP.HCM	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	Tự do
89	18C29002	Phạm Thị	Diệp	Nữ	16/05/1995	Bình Thuận	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	Trường THCS - THPT Trí Đức

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2018

Kèm theo quyết định số 3037/QĐ-KHTN ngày 24/12/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Stt	Mã HV	Họ và	tên	Nam	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Cơ quan công tác
90	18C29003	Đỗ Thị	Hải	Nữ	10/08/1989	Đăk Lăk	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	Công ty cổ phần giáo dục Titan
91	18C29004	Nguyễn Ngọc	Long	Nam	26/11/1996	TP.HCM	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	Tự do
92	18C29006	Phùng Thị	Nghĩa	Nữ	30/10/1991	Sông Bé	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	Tự do
93	18C29007	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	16/08/1996	Quảng Ngãi	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	Tự do
94	18C29009	Bùi Thị Minh	Phương	Nữ	13/11/1996	Đồng Nai	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	Tự do
95	18C29010	Lê Minh	Quân	Nam	20/10/1996	Tây Ninh	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	Tự do
96	18C29012	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	25/11/1983	Bình Dương	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	TT GDNN-GDTX Thuận An, Bình Dương
97	18C29015	Huỳnh Thị Thu	Trâm	Nữ	06/01/1996	Phú Yên	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	Tự do
98	18C29016	Đặng Ngọc Huỳnh	Trang	Nữ	25/02/1996	TP.HCM	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	Tự do
99	18C29018	Phan Võ Tố	Trinh	Nữ	18/05/1996	Đăk Lăk	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	Tự do
100	18C29019	Nguyễn Trần Anh	Tuấn	Nam	08/01/1993	Long An	Toán ứng dụng - Chuyên ngành Giáo dục toán học	Tự do
101	18C31001	Bùi Việt	Anh	Nam	09/01/1996	TP.HCM	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Tự do
102	18C31002	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	21/12/1996	Bến Tre	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Tự do
103	18C31003	Hồ Anh	Kiệt	Nam	22/03/1995	Sông Bé	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Việt Khoa học và Công nghệ tính toán
104	18C31004	Lê Minh	Ngọc	Nữ	15/09/1996	Trà Vinh	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Tự do
105	18C31005	Phan Anh	Luân	Nam	01/02/1996	Bình Thuận	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	CTS
106	18C31007	Nguyễn Xuân	Thành	Nam	04/10/1996	Đồng Tháp	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	CTS
107	18C31008	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	30/06/1996	Bắc Ninh	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	CTS
108	18C31009	Thạch Nguyễn Hạ	Vy	Nữ	09/12/1996	Bến Tre	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	CTS
109	18C32001	Ngô Thị Hoàng	Lộc	Nữ	17/04/1995	Đà Lạt	Quang học	
110	18C32002	Hoa Mai	Anh	Nữ	16/03/1996	Hưng Yên	Quang học	Tự do
111	18C32003	Nguyễn Hoàng Hải	Anh	Nữ	13/09/1996	TP.HCM	Quang học	Công ty TNHH Giải trí Thảo Lê
112	18C32004	Lâm Gia	Bảo	Nữ	12/11/1996	Bạc Liêu	Quang học	CTS
113	18C32005	Nguyễn Tất	Đạt	Nam	21/10/1985	TP.HCM	Quang học	Trường THPT Việt Âu
114	18C32006	Nguyễn Trọng	Duy	Nam	12/04/1991	TP.HCM	Quang học	Tự do
115	18C32007	Trịnh Thị Ngọc	Huyền	Nữ	03/06/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quang học	CTS
116	18C32008	Đỗ Diệu	Linh	Nữ	12/09/1996	Quảng Ngãi	Quang học	CTS
117	18C32009	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	01/01/1993	Đồng Nai	Quang học	Trường THPT Đoàn Kết
118	18C32010	Trần Thị Phương	Ngọc	Nữ	01/08/1995	Bình Thuận	Quang học	Trường THPT Thanh Đa, Bình Thạnh, TP.HCm
119	18C32011	Võ Trần Khoa	Nguyên	Nam	30/04/1996	TP.HCM	Quang học	Trường THPT Trần Khai Nguyên

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2018

Kèm theo quyết định số 3037/QĐ-KHTN ngày 24/12/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Stt	Mã HV	Họ và	tên	Nam	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Cơ quan công tác
120	18C32012	Huỳnh Trúc	Như	Nữ	14/06/1995	Tiền Giang	Quang học	CTS
121	18C32013	Lê Thị Yến	Nhung	Nữ	16/02/1994	Bình Thuận	Quang học	Trường THPT Phú Lâm
122	18C32014	Lê Tấn	Phát	Nam	04/08/1996	Kiên Giang	Quang học	Tự do
123	18C32015	Nguyễn Thành	Phúc	Nam	24/02/1996	TP.HCM	Quang học	Tự do
124	18C32016	Trần Văn	Phước	Nam	25/08/1995	Đăk Lăk	Quang học	Công ty TNHH TM&DV Phú Gia Lạc
125	18C32017	Trần Thị Hoàng	Quyên	Nữ	03/01/1994	TP.HCM	Quang học	Tự do
126	18C32018	Nguyễn Thị Thu	Tâm	Nữ	20/09/1994	Đồng Nai	Quang học	Trường PTDTNT THCS THPT Điều Xiểng
127	18C32019	Huỳnh Ngọc Bảo	Trân	Nữ	08/05/1996	Quảng Ngãi	Quang học	CTS
128	18C32020	Đỗ Thị Kim	Tuyến	Nữ	10/10/1996	Quảng Ngãi	Quang học	Công ty cổ phần giáo dục KDT
129	18C32021	Nguyễn Trần Hải	Vân	Nữ	25/09/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quang học	Tự do
130	18C33001	Ngô Tuấn	Nam	Nam	06/11/1995	Đồng Nai	VLVTĐT - Chuyên ngành Vật lý Ứng dụng	
131	18C33002	Phạm Văn	Nhí	Nam	01/02/1995	Cà Mau	VLVTĐT - Chuyên ngành Vật lý Ứng dụng	Cty TNHH phần mềm FPT
132	18C33004	Võ Thị Tuyết	Anh	Nữ	09/09/1993	Long An	VLVTĐT - Chuyên ngành Vật lý Ứng dụng	Tự do
133	18C33005	Nguyễn Hồng	Giang	Nam	08/10/1986	Bà Rịa - Vũng Tàu	VLVTĐT - Chuyên ngành Vật lý Ứng dụng	Trường CĐKT Cao Thắng
134	18C33006	Trần Thụy Quý	Hiền	Nữ	31/01/1994	TP.HCM	VLVTĐT - Chuyên ngành Vật lý Ứng dụng	Tự do
135	18C33007	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	20/02/1995	Đồng Nai	VLVTĐT - Chuyên ngành Vật lý Ứng dụng	Tự do
136	18C33008	Nguyễn Ánh	Ngọc	Nữ	22/04/1996	Long An	VLVTĐT - Chuyên ngành Vật lý Ứng dụng	CTS
137	18C33009	Nguyễn Lương Thiên	Nhựt	Nữ	23/11/1996	TP.HCM	VLVTĐT - Chuyên ngành Vật lý Ứng dụng	CTS
138	18C33010	Mai Văn	Tân	Nam	13/12/1995	Quảng Ngãi	VLVTĐT - Chuyên ngành Vật lý Ứng dụng	Tự do
139	18C34001	Nguyễn Mạnh	Cầm	Nam	05/10/1996	Lâm Đồng	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	CTS
140	18C34002	Nguyễn Phan Thể	Hiền	Nữ	17/12/1996	Đồng Nai	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Tự do
141	18C34005	Phan Nhựt	Huân	Nam	05/11/1996	TP.HCM	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	CTS
142	18C34007	Trần Nhật	Lệ	Nữ	10/05/1996	Quảng Ngãi	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Tự do
143	18C34009	Nguyễn Trung	Nhân	Nam	06/08/1993	Đồng Nai	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Tự do
144	18C34010	Võ Thị Hải	Nhật	Nữ	30/06/1996	Khánh Hòa	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	CTS
145	18C34012	Phạm Trần Thanh	Phương	Nữ	19/02/1996	TP.HCM	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Tự do
146	18C34013	Chau	Rít	Nam	05/08/1984	An Giang	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Trường THCS, THPT Trần Cao Vân
147	18C34014	Biện Minh	Tâm	Nam	30/06/1984	Tây Ninh	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Bệnh viện Ung bướu TP.Cần Thơ
148	18C34015	Đặng Văn	Thành	Nam	09/09/1994	Hà Tĩnh	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Công ty TNHH Dicentral Việt Nam
149	18C34016	Trần Công	Thiện	Nam	24/02/1994	Bình Dương	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	CTS

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2018

Kèm theo quyết định số 3037/QĐ-KHTN ngày 24/12/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Stt	Mã HV	Họ và	tên	Nam	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Cơ quan công tác
150	18C34017	Trần Vĩnh	Tiến	Nam	15/01/1995	TP.HCM	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Trường TH-THCS-THPT Vạn Hạnh
151	18C34018	Võ Anh	Tuấn	Nam	16/09/1994	Quảng Bình	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Trung tâm nghiên cứu và triển khai công nghệ bức xạ
152	18C34019	Lê Lương	Vũ	Nam	21/07/1995	Thanh Hóa	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	Trường THPT Tân Phong
153	18C38001	Ung Nho	Hóa	Nam	03/03/1996	Quảng Nam	Vật lý kỹ thuật	CTS
154	18C38002	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Nữ	06/10/1991	Quảng Ngãi	Vật lý kỹ thuật	Trường ĐH Phạm Văn Đồng
155	18C38003	Trần Văn	Tập	Nam	17/06/1995	Gia Lai	Vật lý kỹ thuật	Tự do
156	18C38004	Trần Hữu Nhật	Thảo	Nữ	01/09/1994	Đồng Nai	Vật lý kỹ thuật	Tự do
157	18C38005	Huỳnh Quốc	Việt	Nam	10/05/1996	TP.HCM	Vật lý kỹ thuật	Tự do
158	18C51001	Nguyễn Đăng	Hiếu	Nam	12/06/1995	TP.HCM	Hóa hữu cơ	
159	18C51002	Phạm Thị Khánh	Linh	Nữ	09/08/1995	Đồng Nai	Hóa hữu cơ	Trường PTTH Sư phạm Biên Hòa Đồng Nai
160	18C51003	Trần Thị Tuyết	Loan	Nữ	11/09/1979	Hậu Giang	Hóa hữu cơ	Trường THPT Quốc Trí, Quận 6, TP.HCM
161	18C51004	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	Nữ	09/10/1996	Quảng Ngãi	Hóa hữu cơ	Tự do
162	18C51006	Lê Chí	Hào	Nam	23/10/1996	Trà Vinh	Hóa hữu cơ	CTS
163	18C51007	Nguyễn Thị Kim	Hường	Nữ	24/01/1995	Đồng Nai	Hóa hữu cơ	Tự do
164	18C51008	Lê Nguyên	Lộc	Nữ	20/02/1995	TP.HCM	Hóa hữu cơ	Tự do
165	18C51009	Trần Thị Thục	Nhi	Nữ	01/05/1996	Bình Định	Hóa hữu cơ	Công ty KidKul
166	18C51010	Nguyễn Hoàng	Phú	Nam	18/05/1993	Đồng Nai	Hóa hữu cơ	Tự do
167	18C51011	Hứa Thành	Phước	Nam	05/02/1996	TP.HCM	Hóa hữu cơ	Tự do
168	18C51012	Trần Thị Tú	Quyên	Nữ	01/07/1996	Lâm Đồng	Hóa hữu cơ	Tự do
169	18C51013	Phạm Quốc	Thắng	Nam	17/07/1996	Bình Dương	Hóa hữu cơ	Tự do
170	18C51014	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	29/08/1995	TP.HCM	Hóa hữu cơ	Công ty TNHH Oxeyns
171	18C51015	Trần Đức	Thiện	Nam	09/12/1995	Thừa Thiên Huế	Hóa hữu cơ	Tự do
172	18C51016	Bùi Tuấn	Tú	Nam	09/07/1994	TP.HCM	Hóa hữu cơ	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM
173	18C51017	Phan Thanh	Tùng	Nam	11/09/1996	Đăk Lăk	Hóa hữu cơ	Tự do
174	18C52001	Đỗ Thị Phú	An*	Nữ	28/08/1984	Đăk Lăk	Hóa phân tích	TT kiểm nghiệm dược phẩm mỹ phẩm Đăk Lăk
175	18C52002	Nguyễn Duy	Bình	Nam	26/04/1994	Đồng Tháp	Hóa phân tích	Công ty TNHH SGS Việt Nam
176	18C52003	Vũ Đình	Chiêm*	Nam	20/04/1975	Hà Nam Ninh	Hóa phân tích	Viện vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên
177	18C52004	Tô Thị Hồng	Chuyên	Nữ	07/02/1995	Bình Định	Hóa phân tích	TT quan trắc kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Bình Dương
178	18C52005	Đinh Mai	Lĩnh	Nam	10/12/1983	TP.HCM	Hóa phân tích	Trung tâm kiểm ngiệm Bình Dương

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2018

Kèm theo quyết định số 3037/QĐ-KHTN ngày 24/12/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Stt	Mã HV	Họ và	tên	Nam	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Cơ quan công tác
179	18C52006	Lê Thành	Long	Nam	08/11/1995	Phú Yên	Hóa phân tích	Quatest 3
180	18C52007	Nguyễn Thị	Mỹ	Nữ	02/05/1995	Bình Định	Hóa phân tích	Công ty TNHH phân tích kiểm nghiệm Việt Tín
181	18C52008	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	06/11/1995	Bến Tre	Hóa phân tích	Công ty TNHH KHKT Nam Trang
182	18C52009	Trần Thị Yến	Nhung	Nữ	15/05/1993	Quảng Nam	Hóa phân tích	Công ty TNHH Liên Á Âu
183	18C52010	Đặng Thị My	Nương	Nữ	27/06/1995	Buôn Ma Thuột	Hóa phân tích	
184	18C52011	Hồng Thị Lệ	Quyên	Nữ	25/09/1982	Tiền Giang	Hóa phân tích	TT kiểm nghiệm thuốc mỹ phẩm thực phẩm Tiền Giang
185	18C52012	Phạm Thái	Thạch	Nam	20/06/1993	TP.HCM	Hóa phân tích	
186	18C52013	Phạm Minh	Thi	Nữ	25/07/1995	Phú Yên	Hóa phân tích	Trung tâm dịch vụ phân tích thí nghiệm TP.HCM
187	18C52014	Trần Đại	Xuân	Nam	01/01/1990	Quảng Nam	Hóa phân tích	Viện kiểm nghiệm TP.HCM
188	18C52015	Bùi Thế	Hòa	Nam	04/07/1993	Vĩnh Long	Hóa phân tích	Tự do
189	18C52016	Trương Tiến	Hòa	Nam	23/01/1995	Phú Yên	Hóa phân tích	Trung tâm kỹ thuật 3 - Quatest 3
190	18C52017	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	18/02/1995	Thanh Hóa	Hóa phân tích	Tự do
191	18C52018	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	16/12/1995	Bình Định	Hóa phân tích	TUV-SUD Việt Nam
192	18C52019	Hứa Hiền	Hữu	Nam	10/08/1993	Đồng Tháp	Hóa phân tích	Viện Môi trường và Tài nguyên TP.HCM
193	18C52020	Trần Thị Tuyết	Nhung	Nữ	15/08/1988	Lâm Đồng	Hóa phân tích	Trung tâm kỹ thuật 3
194	18C52021	Lê Thành	Phúc	Nam	07/06/1992	Tiền Giang	Hóa phân tích	Tự do
195	18C52022	Phan Bảo	Quỳnh	Nam	25/01/1989	Sóc Trăng	Hóa phân tích	Công ty TNHH KHCN và phân tích môi trường Phương Nam
196	18C52023	Hồ Thị Thùy	Trân	Nữ	22/04/1995	TP.HCM	Hóa phân tích	Tự do
197	18C52024	Nguyễn Quang Thanh	Uyên	Nữ	18/07/1994	Tây Ninh	Hóa phân tích	Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3
198	18C53001	Vũ Tấn	Phát	Nam	15/11/1995	Sông Bé	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Trường ĐH KHTN - HCM
199	18C53002	Trần Đại	Quang	Nam	08/08/1983	Huế	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Trường THPT Tây Sơn - Phú giáo - Bình Dương
200	18C53003	Lương Vũ Diễm	Trâm	Nữ	22/07/1988	Bình Định	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Trường TH, THCS, THPT Việt Úc
201	18C53004	Phạm Thị Lệ	Chi	Nữ	08/02/1996	Phú Yên	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Trường ĐH KHTN
202	18C53005	Phạm Thị	Chi	Nữ	04/04/1996	Đăk Lăk	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Tự do
203	18C53006	Lê Ngọc	Diệp	Nữ	02/03/1995	Thừa Thiên Huế	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Viện Công nghệ Nano, ĐHQG-HCM
204	18C53007	Nguyễn Trí	Dũng	Nam	17/03/1992	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Tự do
205	18C53008	Hoàng Trung	Hiếu	Nam	10/12/1994	Vĩnh Phúc	Hóa lý thuyết và Hóa lý	TTNC vật liệu cấu trúc nano và phân tử
206	18C53009	Trần Thị Thu	Hồng	Nữ	08/03/1996	Bến Tre	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Trường THPT Huỳnh Tấn Phát, tỉnh Bình Đại, Bến Tre
207	18C55002	Võ THị Thúy	Hương	Nữ	11/12/1995	Quảng Ngãi	Hóa hữu cơ - Chuyên ngành Giảng dạy hóa học thực nghiệm	Tự do

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2018

Kèm theo quyết định số 3037/QĐ-KHTN ngày 24/12/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Stt	Mã HV	Họ và	tên	Nam	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Cơ quan công tác
208	18C55003	Nguyễn Thanh Nhựt	Tài	Nam	16/10/1992	Long An	Hóa hữu cơ - Chuyên ngành Giảng dạy hóa học thực nghiệm	Trường THCS - THT Long Cang
209	18C55004	Nguyễn Tuấn	Thành	Nam	05/10/1995	Đăk Lăk	Hóa hữu cơ - Chuyên ngành Giảng dạy hóa học thực nghiệm	Tự do
210	18C61001	Trần Thanh	Bình	Nữ	02/06/1993	Khánh Hòa	Hóa sinh học	
211	18C61002	Trần Ngọc	Hân	Nữ	29/08/1995	Long An	Hóa sinh học	
212	18C61003	Đặng Quốc	Huy	Nam	07/06/1995	An Giang	Hóa sinh học	CTCP hàng tiêu dùng Masan
213	18C61004	Hà Thị	Ngọc	Nữ	14/04/1995	Đăk Lăk	Hóa sinh học	
214	18C61005	Huỳnh Thị	Nguyệt	Nữ	08/10/1995	Bình Dương	Hóa sinh học	
215	18C61006	Huỳnh Quốc	Tài	Nam	12/04/1993	Quảng Ngãi	Hóa sinh học	
216	18C61007	Nguyễn Thị Bích	Thường	Nữ	29/02/1992	Phú Yên	Hóa sinh học	
217	18C61008	Lê Thanh	Hà	Nam	20/03/1996	TP.HCM	Hóa sinh học	Tự do
218	18C61009	Nguyễn Thái	Hiền	Nam	17/09/1995	Bình Thuận	Hóa sinh học	Trường ĐH KHTN
219	18C61010	Trần Thế	Lâm	Nam	21/11/1996	Đồng Nai	Hóa sinh học	Tự do
220	18C61011	Nguyễn Trịnh Quỳnh	Như	Nữ	10/01/1996	Quảng Nam	Hóa sinh học	Tự do
221	18C61012	Ngô Nguyễn Ý	Thơ	Nữ	20/09/1994	Bình Thuận	Hóa sinh học	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch
222	18C61013	Phạm Minh	Thông	Nam	19/02/1994	TP.HCM	Hóa sinh học	Tự do
223	18C61014	Phan Thị Ngọc	Trâm	Nữ	31/08/1995	Khánh Hòa	Hóa sinh học	Tự do
224	18C62001	Trần Tú	Khoa	Nam	11/09/1989	Cà Mau	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý thực vật	Trung tâm Công nghệ sinh học TP.HCM
225	18C62002	Phan Xuân	Anh	Nữ	01/10/1995	TP.HCM	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý thực vật	Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM
226	18C62003	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	23/01/1996	TP.HCM	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý thực vật	CTS
227	18C62004	Nguyễn Hồng Bửu	Vinh	Nam	30/04/1996	Biên Hòa	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý thực vật	Tự do
228	18C62006	Đặng Thái	Hòa	Nam	03/09/1988	TP.HCM	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý thực vật	Cty TNHH phân bón hữu cơ Mê kông
229	18C63001	Trương Nguyễn Lan	Chi	Nữ	14/09/1992	Bình Dương	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	Trường tHPT chuyên Hùng Vương
230	18C63002	Nguyễn Thị Mai	Khanh	Nữ	20/01/1987	Kiên Giang	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	Trường THPT Nguyễn Hiền
231	18C63003	Đỗ Minh	Nghĩa	Nam	13/02/1995	Bình Thuận	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	Trường ĐH KHTN
232	18C63004	Dương Hoài Bảo	Ngọc	Nữ	29/09/1995	Long An	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	Trường THPT Nguyễn Văn Linh - Q.8- TP.HCM
233	18C63005	Lê Phan Quỳnh	Như	Nữ	31/03/1995	TP.HCM	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	
234	18C63007	Trương Quốc	Thịnh	Nam	09/04/1991	TP.HCM	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	Bệnh viện quốc tế Hạnh Phúc
235	18C63008	Phan Văn	Tiến	Nam	05/09/1993	Bình Định	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	Bệnh viện Đa khoa Vạn Hạnh
236	18C63009	Hoàng Thị Bích	Tuyền	Nữ	02/02/1986	TP.HCM	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	Công ty TNHH Song Tân

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2018

Kèm theo quyết định số 3037/QĐ-KHTN ngày 24/12/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Stt	Mã HV	Họ và	tên	Nam	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Cơ quan công tác
237	18C63010	Lương Thụy Thùy	Dương	Nữ	26/04/1996	TP.HCM	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	Tự do
238	18C63011	Lâm Minh	Hoàng	Nam	10/12/1996	TP.HCM	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	Tự do
239	18C63012	Phạm Hoàng	Huy	Nam	26/05/1995	An Giang	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	Bệnh viện Mỹ Đức
240	18C63013	Đào Thị Thu	Sương	Nữ	12/08/1995	Hải Dương	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	Bệnh viện phụ sản Âu cơ - Biên Hòa Đồng Nai
241	18C63014	Trịnh Lâm Hoàng	Tâm	Nam	25/07/1994	Sóc Trăng	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc thú y TW2
242	18C63015	Trần Hà Lan	Thanh	Nữ	26/05/1994	Bình Định	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	Bệnh viện Mỹ Đức Phú Nhuận
243	18C63016	Nguyễn Hồng	Tuấn	Nam	25/11/1993	Hong Kong	SHTN - Chuyên ngành Sinh lý động vật	Tự do
244	18C64001	Nguyễn Khắc Mỹ	Diêu	Nữ	15/02/1994	Khánh Hòa	Vi sinh vật học	
245	18C64002	Nguyễn Thanh	Loan	Nữ	17/06/1995	TP.HCM	Vi sinh vật học	
246	18C64003	Đinh Minh	Ngọc	Nữ	01/08/1986	TP.HCM	Vi sinh vật học	Bệnh viện 30/4 Bộ Công An
247	18C64004	Lê Thành	Phong	Nam	16/11/1995	Bình Thuận	Vi sinh vật học	Công ty Ajinomoto Việt Nam
248	18C64006	Nguyễn Văn	Tín	Nam	21/01/1986	Bến Tre	Vi sinh vật học	Trung tâm kiểm chuẩn xét nghiệm TP.HCM
249	18C64007	Mai Hoàng Thùy	Dung	Nữ	18/02/1996	TP.HCM	Vi sinh vật học	Tự do
250	18C64008	Ngô Thị Thu	Hiền	Nữ	01/10/1990	Đồng Nai	Vi sinh vật học	Trung tâm y tế Long Thành
251	18C64009	Trịnh Bảo Khánh	Huyền	Nữ	26/12/1996	Khánh Hòa	Vi sinh vật học	Tự do
252	18C64010	Phạm Trung	Nghĩa	Nam	29/08/1996	Tiền Giang	Vi sinh vật học	Trung tâm Khoa học và Công nghệ sinh học
253	18C64011	Văn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	08/06/1995	Gia Lai	Vi sinh vật học	Trường THPT Tân Bình
254	18C64012	Hồ Lê Quỳnh	Như	Nữ	04/11/1996	TP.HCM	Vi sinh vật học	Tự do
255	18C64013	Phạm Thị Mộng	Quỳnh	Nữ	20/12/1995	Phú Yên	Vi sinh vật học	Công ty Rohto - Mentholatum Việt Nam
256	18C64014	Mai Thành	Tân	Nam	27/09/1996	Tiền Giang	Vi sinh vật học	Tự do
257	18C64015	Dương Minh	Thắng	Nam	30/11/1995	TP.HCM	Vi sinh vật học	Công ty TNHH Giải pháp Nông học tiên tiến
258	18C64016	Nguyễn Quang	Thặng	Nam	31/12/1993	Hưng Yên	Vi sinh vật học	Công ty TNHH Thanh Tuấn Linh
259	18C64017	Đỗ Thị Thanh	Thảo	Nữ	28/04/1995	Lâm Đồng	Vi sinh vật học	Tự do
260	18C64018	Nguyễn Quốc	Tiến	Nam	25/11/1989	Long An	Vi sinh vật học	Tự do
261	18C64019	Hà Lê Tấn	Tiến	Nam	10/07/1992	Tây Ninh	Vi sinh vật học	Công ty cổ phần S.P.M
262	18C64021	Võ Nguyễn Hải	Vy	Nữ	29/04/1996	Đồng Nai	Vi sinh vật học	Trường ĐH KHTN
263	18C65001	Nguyễn Ngọc Yến	Anh	Nữ	04/07/1993	TP.HCM	Sinh thái học	Trường THPT Bình Hưng Hòa
264	18C65002	Phạm Xuân	Huy	Nam	12/03/1993	Ninh Thuận	Sinh thái học	Trường THCS Bình Hưng Hòa, TP.HCM
265	18C65003	Huỳnh Kim	Thành	Nam	08/04/1995	TP.HCM	Sinh thái học	Trường ĐH KHTN
266	18C65004	Lê Đình Anh	Vũ	Nam	02/04/1993	TP.HCM	Sinh thái học	Trường ĐH KHTN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2018

Kèm theo quyết định số 3037/QĐ-KHTN ngày 24/12/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Stt	Mã HV	Họ và	tên	Nam	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Cơ quan công tác
267	18C65005	Nguyễn Kiều	Khanh	Nữ	21/05/1993	TP.HCM	Sinh thái học	Trường THCS Tân Tạo A
268	18C65006	Trương Nguyễn Lê	Khoa	Nam	03/02/1996	TP.HCM	Sinh thái học	Trường ĐH KHTN
269	18C65007	Đỗ Thị Kim	Nhị	Nữ	12/10/1993	TP.HCM	Sinh thái học	Trường THCS Lam Sơn
270	18C66001	Nguyễn Đặng Thành	An	Nam	17/01/1990	Kiên Giang	Di truyền học	Trường THPT Võ Văn Kiệt - Kiên Giang
271	18C66002	Nguyễn Khánh	Hải	Nam	08/10/1982	Thuận Hải	Di truyền học	Trung tâm Y tế Quận 6
272	18C66003	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	Nữ	22/02/1993	Đăk Lăk	Di truyền học	
273	18C66004	Phạm Thị Thúy	Ngọc	Nữ	15/02/1988	An Giang	Di truyền học	Viện Pasteur TP.HCM
274	18C66005	Đoàn Thế	Sang	Nam	02/07/1993	TP.HCM	Di truyền học	Công ty TNHH thương mại Y tế Phú Gia
275	18C66006	Trần Thụy Thái	Thanh	Nữ	22/01/1994	TP.HCM	Di truyền học	
276	18C66007	Nguyễn Thị Hồng	Uyên	Nữ	27/08/1993	Hưng Yên	Di truyền học	Bệnh viện Quận 2
277	18C66008	Phùng Vạn	An	Nam	04/02/1990	Bến Tre	Di truyền học	Trường ĐH Quốc tế Hồng Bàng
278	18C66009	Phùng Thị Việt	Anh	Nữ	30/03/1995	Hà Nội	Di truyền học	Tự do
279	18C66010	Hồ Quốc	Chương	Nam	07/12/1995	Bình Thuận	Di truyền học	Phòng khám Đa khoa Đại Phước
280	18C66011	Huỳnh Nhật	Huy	Nam	18/11/1993	An Giang	Di truyền học	Công ty TNHH Công nghệ sinh họcKkhoa Thương
281	18C66012	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	22/04/1992	Đăk Lăk	Di truyền học	Trường ĐH Quốc tế Hồng Bàng
282	18C66013	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	Nam	08/02/1996	TP.HCM	Di truyền học	Tự do
283	18C66014	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	Nữ	03/02/1996	Phú Yên	Di truyền học	Tự do
284	18C66015	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	21/05/1991	Hà Nam	Di truyền học	Trung tâm Công nghệ Sinh học TP.HCM
285	18C66016	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	29/09/1995	Long An	Di truyền học	Tự do
286	18C66017	Trần Thị Bích	Trâm	Nữ	15/05/1996	TP.HCM	Di truyền học	Tự do
287	18C66018	Đoàn Văn	Xem	Nam	20/04/1989	Long An	Di truyền học	Trường THPT chuyên Long An
288	18C67002	Phạm Tiến	Dũng	Nam	16/06/1993	TP.HCM	Công nghệ sinh học	TTNC và triển khai khu công nghệ cao
289	18C67003	Nguyễn Văn	Duy	Nam	04/06/1995	Vĩnh Long	Công nghệ sinh học	
290	18C67004	Nguyễn Thị Linh	Giang	Nữ	07/12/1986	Gia Lai	Công nghệ sinh học	Trung tâm khoa học công nghệ dược Sài Gòn - ĐH Y dược
291	18C67006	Đặng Châu Ngô	Hoàng	Nam	04/03/1990	Đà Nẵng	Công nghệ sinh học	Bệnh viện đa khoa Vạn Hạnh
292	18C67007	Nguyễn Tấn	Liêm	Nam	12/07/1993	TP.HCM	Công nghệ sinh học	Công ty Navet Co
293	18C67008	Nguyễn Diệp Xuân	Nhiên	Nữ	05/01/1993	TP. Cần Thơ	Công nghệ sinh học	
294	18C67009	Nguyễn Nhật Quỳnh	Như	Nữ	22/02/1991	Đồng Nai	Công nghệ sinh học	Trung tâm Y sinh học phân tử - Đại học Y dược TP.HCM
295	18C67010	Phạm Thị Mỹ	Ninh	Nữ	08/04/1995	Quảng Ngãi	Công nghệ sinh học	

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2018

Kèm theo quyết định số 3037/QĐ-KHTN ngày 24/12/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Stt	Mã HV	Họ và	tên	Nam	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Cơ quan công tác
296	18C67011	Phạm Thị Tường	Oanh	Nữ	18/11/1995	Tiền Giang	Công nghệ sinh học	Công ty cổ phần vật tư khoa học Biomedic
297	18C67012	Nguyễn Đăng Ngọc	Phúc	Nữ	02/12/1995	Tiền Giang	Công nghệ sinh học	Trường ĐH KHTN
298	18C67013	Võ Hồng	Phúc	Nam	27/11/1995	Tiền Giang	Công nghệ sinh học	Trường ĐH KHTN
299	18C67014	Nguyễn Thị Diễm	Sương	Nữ	09/12/1993	Bình Phước	Công nghệ sinh học	Công ty TNHH Tenumo BCT Việt Nam
300	18C67015	Trịnh Kim	Thảo	Nữ	22/02/1995	Bạc Liêu	Công nghệ sinh học	Công ty TNHH Động học Stella
301	18C67016	Võ Thị Huyền	Trâm	Nữ	01/08/1993	Long An	Công nghệ sinh học	Trường THPT Cần Giuộc
302	18C67017	Phạm Trần Huyền	Trân	Nữ	27/03/1994	TP.HCM	Công nghệ sinh học	
303	18C67018	Võ Trần Ngọc	Trinh	Nữ	24/12/1993	Bình Định	Công nghệ sinh học	
304	18C67019	Nguyễn Đoàn Phương	Uyên	Nữ	06/11/1994	TP.HCM	Công nghệ sinh học	Bệnh viện Nhi Đồng Tp.HCM
305	18C67020	Lê Đào Hoàng	Anh	Nữ	06/10/1995	Phú Yên	Công nghệ sinh học	Tự do
306	18C67021	Mai Quốc	Gia	Nam	18/05/1996	Long An	Công nghệ sinh học	Trường ĐH KHTN
307	18C67022	Trần Hoàng	Hải	Nam	19/07/1993	Cần Thơ	Công nghệ sinh học	Tự do
308	18C67023	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	16/01/1995	Quảng Ngãi	Công nghệ sinh học	Tự do
309	18C67024	Nguyễn Phước Khải	Hoàn	Nam	31/03/1996	TP. Cần Thơ	Công nghệ sinh học	Trường ĐH KHTN
310	18C67025	Văn Đức	Huy	Nam	17/09/1996	Khánh Hòa	Công nghệ sinh học	Viện tế bào gốc
311	18C67026	Trần Mộng	Kha	Nữ	01/01/1995	Cần Thơ	Công nghệ sinh học	CTS
312	18C67027	Phạm Đức	Lâm	Nam	08/09/1995	Kon Tum	Công nghệ sinh học	Trường TH, THCS, THPT Thái Bình Dương
313	18C67028	Dương Ngọc Hồng	Lan	Nữ	27/12/1996	An Giang	Công nghệ sinh học	Tự do
314	18C67029	Nguyễn Thị Kiều	Linh	Nữ	12/04/1996	Bến Tre	Công nghệ sinh học	Tự do
315	18C67030	Đào Mỹ	Linh	Nữ	22/05/1996	TP.HCM	Công nghệ sinh học	Tự do
316	18C67031	Trần Thanh	Long	Nam	13/07/1995	Đồng Nai	Công nghệ sinh học	Trường ĐH KHTN
317	18C67032	Nguyễn Hà Như	Mai	Nữ	04/03/1996	TP.HCM	Công nghệ sinh học	Tự do
318	18C67033	Ngô Bình Thảo	Nghi	Nữ	31/01/1995	TP.HCM	Công nghệ sinh học	Tự do
319	18C67034	Đinh Vũ	Nghị	Nam	05/01/1995	Kiên Giang	Công nghệ sinh học	Công ty Công nghệ sinh học TVT
320	18C67035	Nguyễn Lý Minh	Nghĩa	Nữ	17/07/1995	Tiền Giang	Công nghệ sinh học	Trường THPT Võ Văn Kiệt
321	18C67036	Ngô Thục Trí	Nguyên	Nam	11/12/1995	Khánh Hòa	Công nghệ sinh học	Cty TNHH MTV sản xuất gỗ Hiệp Tín
322	18C67037	Phan Trọng	Nhân	Nam	21/08/1995	Đồng Tháp	Công nghệ sinh học	Tự do
323	18C67038	Trương Hà Minh	Nhật	Nam	25/04/1996	TP.HCM	Công nghệ sinh học	Trường ĐH KHTN
324	18C67039	Phạm Thị Yến	Như	Nữ	28/03/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	Công nghệ sinh học	Cty cổ phần Công nghệ sinh học dược Nanogen
325	18C67040	Đoàn Thị	Oanh	Nữ	01/06/1995	Hải Dương	Công nghệ sinh học	Trường THCS Nguyễn Hồng Đào

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2018

Kèm theo quyết định số 3037/QĐ-KHTN ngày 24/12/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Stt	Mã HV	Họ và	tên	Nam	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Cơ quan công tác
326	18C67041	Đỗ Đặng Quỳnh	Phương	Nữ	21/08/1995	TP.HCM	Công nghệ sinh học	Trường THPT Trần Phú
327	18C67042	Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	24/01/1986	TP.HCM	Công nghệ sinh học	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới
328	18C67043	Nguyễn Thị Duy	Thảo	Nữ	17/04/1995	Bình Thuận	Công nghệ sinh học	Tự do
329	18C67044	Lê Khánh	Thiên	Nam	26/03/1996	TP.HCM	Công nghệ sinh học	Trường ĐH KHTN
330	18C67045	Huỳnh Lê Tuyết	Thư	Nữ	05/06/1996	TP.HCM	Công nghệ sinh học	Trường THPT Võ Thị Sáu
331	18C67046	Trần Văn	Thuận	Nam	01/08/1996	An Giang	Công nghệ sinh học	Trường ĐH KHTN
332	18C67047	Đào Thị Hồng	Thúy	Nữ	09/09/1995	Bình Định	Công nghệ sinh học	Tự do
333	18C67048	Nguyễn Mai Trúc	Tiên	Nữ	04/09/1995	Tiền Giang	Công nghệ sinh học	Trung tâm Sâm và dược liệu TP.HCM
334	18C67049	Nguyễn Thị Hiền	Trang	Nữ	25/02/1996	Khánh Hòa	Công nghệ sinh học	Tự do
335	18C67050	Nguyễn Hoàng Nhật	Trinh	Nữ	10/10/1996	Bình Thuận	Công nghệ sinh học	Tự do
336	18C67051	Ngô Vĩnh	Tường	Nam	26/08/1996	An Giang	Công nghệ sinh học	Trung tâm Công nghệ Sinh học TP.HCM
337	18C67052	Vũ Thị	Tuyết	Nữ	25/12/1984	Nam Định	Công nghệ sinh học	Trường THPT Nguyễn Trãi
338	18C67053	Nguyễn Ngọc Hoàng	Vân	Nữ	17/10/1996	Khánh Hòa	Công nghệ sinh học	Công ty cổ phần công nghệ Biotech Việt Nam
339	18C67054	Trần Thảo	Vi	Nữ	26/12/1995	Quảng Ngãi	Công nghệ sinh học	Tự do
340	18C68001	Đỗ Mỹ	Duyên	Nữ	11/10/1993	Bến Tre	SHTN - Chuyên ngành Giảng dạy Sinh học thực nghiệm	Truường THPT Hùng Vương Q.5
341	18C68002	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	Nữ	14/02/1992	TP.HCM	SHTN - Chuyên ngành Giảng dạy Sinh học thực nghiệm	Trường THPT Võ Văn Kiệt
342	18C68003	Khưu Thị Huỳnh	Ngọc	Nữ	01/06/1995	An Giang	SHTN - Chuyên ngành Giảng dạy Sinh học thực nghiệm	Trường Toán tư duy Hoa kỳ Mathnasium
343	18C68004	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	23/12/1991	Nghệ An	SHTN - Chuyên ngành Giảng dạy Sinh học thực nghiệm	Trường THCS Nguyễn An Ninh, Q.12
344	18C71001	Phạm Quốc	Đạt	Nam	17/11/1995	Bến Tre	Địa chất học	
345	18C71002	Nguyễn Thanh	Nga	Nữ	07/02/1984	Bắc Thái	Địa chất học	Chi nhánh TCT thăm dò khai thác dầu khí - TTKT
346	18C71003	Nguyễn Lợi	Lộc	Nam	24/10/1996	Vĩnh Long	Địa chất học	Trung tâm hỗ trợ sinh viên - ĐH KHTN
347	18C71004	Lê Thị Tiểu	Nhã	Nữ	20/03/1995	Quảng Trị	Địa chất học	Công ty cổ phần may Sài Gòn
348	18C71005	Nguyễn Thanh	Thảo	Nam	26/06/1995	Sông Bé	Địa chất học	Đoàn địa chất I - Liên đoàn bản đồ địa chất miền nam
349	18C71006	Nguyễn Xuân	Tình	Nam	11/06/1996	Lâm Đồng	Địa chất học	Cty TNHH MTV Giám Định PNJ
350	18C71007	Võ Hữu	Tân	Nam	27/03/1995	Kon Tum	Địa chất học	
351	18C81003	Trần Thị Thanh	Dung	Nữ	26/02/1996	Bình Định	Khoa học môi trường	CTS
352	18C81004	Trần Ánh	Ngân	Nữ	03/05/1996	Bến Tre	Khoa học môi trường	Tự do

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2018

Kèm theo quyết định số 3037/QĐ-KHTN ngày 24/12/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Stt	Mã HV	Họ và	tên	Nam	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Cơ quan công tác
353	18C81005	Nguyễn Ngô Hồng	Ngọc	Nữ	08/11/1994	TP.HCM	Khoa học môi trường	Trường Quốc tế British Internation School
354	18C82001	Khưu Thiện	Minh	Nam	28/04/1995	Tiền Giang	Quản lý tài nguyên và môi trường	Công ty TNHH Đất Hợp
355	18C82002	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	Nữ	25/09/1995	Lâm Đồng	Quản lý tài nguyên và môi trường	Công ty TNHH MTV nước và Môi trường Bình Minh
356	18C82003	Trương Thảo	Sâm	Nữ	12/04/1995	Quảng Trị	Quản lý tài nguyên và môi trường	Viện Khoa học và công nghệ tính toán
357	18C82004	Lê Thị Ngọc	Trà	Nữ	04/09/1995	Quảng Trị	Quản lý tài nguyên và môi trường	
358	18C82005	Lê Thị Hoài	An	Nữ	24/05/1993	Tây Ninh	Quản lý tài nguyên và môi trường	Tự do
359	18C82006	Trần Thị Thu	An	Nữ	23/04/1996	Đồng Nai	Quản lý tài nguyên và môi trường	Văn phòng Đảng ủy ĐH KHTN
360	18C82007	Phạm Hải	Hà	Nữ	20/07/1995	TP.HCM	Quản lý tài nguyên và môi trường	Tự do
361	18C82008	Phạm Việt	Hải	Nam	26/01/1996	Cà Mau	Quản lý tài nguyên và môi trường	CTS
362	18C82009	Nguyễn Thị Bích	Khuê	Nữ	07/01/1995	Khánh Hòa	Quản lý tài nguyên và môi trường	Tự do
363	18C82010	Nguyễn Minh	Kiệt	Nam	29/08/1996	Tây Ninh	Quản lý tài nguyên và môi trường	Công ty TNHH MTV nước và môi trường Bình Minh
364	18C82011	Nguyễn Thị Kiều	Nga	Nữ	05/05/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	Quản lý tài nguyên và môi trường	Viện quy hoạch Thủy lợi miền nam
365	18C82012	Chung Thị	Nhâm	Nữ	06/04/1995	Sông Bé	Quản lý tài nguyên và môi trường	Công ty cổ phần tư vấn & xây dựng Long Châu
366	18C82013	Nguyễn Đình	Quốc	Nam	26/08/1994	Khánh Hòa	Quản lý tài nguyên và môi trường	Tự do
367	18C82014	Châu Thị	Thắng	Nữ	20/09/1989	Đồng Nai	Quản lý tài nguyên và môi trường	Tự do
368	18C82015	Hoàng Trang	Thư	Nữ	19/04/1996	Bình Thuận	Quản lý tài nguyên và môi trường	Tự do
369	18C82016	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	21/10/1995	TP.HCM	Quản lý tài nguyên và môi trường	Tự do
370	18C91001	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	Nữ	01/05/1996	Ninh Bình	Khoa học vật liệu	Tự do
371	18C91002	Bùi Thị Thu	Thảo	Nữ	05/01/1995	Quảng Ngãi	Khoa học vật liệu	Tự do
372	18C91003	Trần Quang	Thịnh	Nam	23/08/1995	TP.HCM	Khoa học vật liệu	Công ty TNHH Heebee Việt Nam
373	18C91004	Nguyễn Trường	Thọ	Nam	19/07/1995	Vĩnh Long	Khoa học vật liệu	Trường ĐH Hutech
374	18C91005	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	26/08/1996	TP.HCM	Khoa học vật liệu	Tự do

Tổng cộng danh sách có **374** học viên